TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19/12/2025
V/v "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Như Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Xuân Dậu và ông Đặng Quang Hoạch.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Ngọc Thái Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đức Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai, Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 440/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28/11/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị H, sinh ngày 20/11/1982, CCCD số: 030182014109. Nơi cư trú: Đường A, ấp A, xã B, tỉnh Đồng Nai. (Xin vắng mặt)

- **Bị đơn:** Ông Phạm Văn V, sinh ngày 27/02/1982, CCCD số 030082006622. Nơi cư trú: Đường A, ấp A, xã B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu và lời khai trong hồ sơ, thì thấy nguyên đơn bà Đỗ Thị H trình bày: Bà và ông Phạm Văn V tự nguyện thương yêu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 16/9/2019. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Bảo Tường V1, sinh ngày 18/03/2018 và Phạm Bảo Yến L, sinh ngày 06/01/2020.

Quá trình chung sống bà và ông V phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn đã xảy ra từ lâu, bà và ông V dù ở chung với nhau nhưng ăn uống riêng, sinh hoạt riêng, không ai quan tâm đến ai. Đến nay tình cảm bà dành cho ông V không còn nữa, không còn sự quan tâm, chăm sóc cho nhau nên bà tha thiết được ly hôn với ông V. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Cháu Phạm Bảo Tường V1, sinh ngày 18/03/2018 và Phạm Bảo Yến L, sinh ngày 06/01/2020. Tại biên bản

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 28/11/2025 bà H trình bày: Bà H thay đổi 1 phần yêu cầu khởi kiện, tạm thời bà H không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung, do ông V trình bày bằng miệng với chính quyền địa phương và bà H là nếu bà H muốn nuôi cả 02 con chung thì ông V sẽ không cấp dưỡng nuôi con chung, bà H nhận thấy ông V không quan tâm đến đời sống sinh hoạt của các con chung nên bà H không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung bà không yêu cầu giải quyết. Nợ chung không có.

Bị đơn ông Phạm Văn V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho bà Đỗ Thị H được ly hôn với ông Phạm Văn V; Về con chung giao Cháu Phạm Bảo Tường V1, sinh ngày 18/03/2018 và Phạm Bảo Yến L, sinh ngày 06/01/2020 cho bà Đỗ Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung các đương sự không yêu cầu, nợ chung không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Yêu cầu của bà H là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" với ông Phạm Văn V, sinh năm 1982, nơi cư trú: Đường A, ấp A, xã B, tỉnh Đồng Nai, quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại biên bản giao thông báo thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản khác thể hiện, tại địa chỉ "Đường A, ấp A, xã B, tỉnh Đồng Nai" trực tiếp ông Phạm Văn V đã nhận các văn bản tố tụng nhưng không đồng ý ký vào biên bản và có sự xác nhận của địa phương, chứng tỏ ông V đang cư trú tại địa chỉ này. Căn cứ khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai.

Tại phiên tòa, ông Phạm Văn V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, bà Đỗ Thị H vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Xét các yêu cầu của bà H:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Bà H và ông V tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 16/9/2019 theo đúng quy định tại điều 8,9 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014, không vi phạm các điều kiện kết hôn quy định tại khoản 2 điều 5 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014, nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét mâu thuẫn giữa bà H và ông V thì thấy: Tòa án đã tiến hành xác minh

mâu thuẫn vợ chồng giữa ông V và bà H tại UBND xã B, tỉnh Đồng Nai nơi ông V và bà H cư trú, nhưng không xác định được mâu thuẫn. Quá trình làm việc tại Tòa án, Tòa án đã nhiều lần động viên bà H suy nghĩ về đoàn tụ vợ chồng nhưng bà H không đồng ý đoàn tụ, kiên quyết xin ly hôn với ông V. Đến nay tình cảm bà H dành cho ông V không còn nữa, không còn sự quan tâm, chăm sóc cho nhau nên bà H tha thiết được ly hôn với ông V. Bên cạnh đó, ông V đã trực tiếp nhận thông báo về việc thu lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án để đến tòa án làm việc, nhưng ông V không có văn bản trình bày ý kiến cũng như đến tòa án để làm việc, hòa giải đoàn tụ vợ chồng, chứng tỏ ông V không có thiện chí trong việc hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng nữa.

Từ đó, khẳng định mâu thuẫn giữa bà H và ông V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân & gia đình 2014 cần chấp nhận yêu cầu của bà H, cho bà H được ly hôn với ông Phạm Văn V.

[2.2] Về con chung: Theo trình bày của bà H và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện, bà H và ông V có 02 con chung là cháu Phạm Bảo Tường V1, sinh ngày 18/03/2018 và Phạm Bảo Yến L, sinh ngày 06/01/2020. Bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Cháu Phạm Bảo Tường V1, sinh ngày 18/03/2018 và Phạm Bảo Yến L, sinh ngày 06/01/2020, vì cháu Tường V1 và cháu Yến L hiện tại đang ở với bà H. Tạm thời bà H không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung. Ông V đã nhận được thông báo thụ lý vụ án thể hiện yêu cầu này của bà H nhưng không có ý kiến gì. Bên cạnh đó, cháu Tường V1 có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, cháu Tường V1 và cháu Yến L còn nhỏ, cần được sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của người mẹ và không làm thay đổi môi trường sinh hoạt của cháu Tường V1 và cháu Yến L. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho cháu Tường V1 và cháu Yến L, cần chấp nhận yêu cầu của bà H, giao cháu Phạm Bảo Tường V1 và cháu Phạm Bảo Y L cho bà H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Bà H và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Bà H trình bày không có, ông V không có ý kiến gì. Do đó HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[3] Ý kiến nhận định của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 28, 91, 92, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 5, 8,9, 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 118 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị H được ly hôn với ông Phạm Văn V.

- Về con chung:

Giao cho bà Đỗ Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (hai) con chung chưa thành niên là cháu C Phạm Bảo Tường V1, sinh ngày 18/03/2018 và Phạm Bảo Yến L, sinh ngày 06/01/2020.

Tạm thời ông Phạm Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của ông Phạm Văn V.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Bà H và ông V không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H trình bày không có và ông V không có ý kiến gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về việc ly hôn, chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Đồng Nai theo biên lai thu số 0004588 ngày 21/10/2025 qua nộp án phí.

3. Báo cho bà H và ông V biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND KV3 - Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND phường Hà Tiên, tỉnh An Giang (GCNKH số 45/2019, ngày 16/9/2019 do UBND p. Bình San, thành phố Hà Tiên cấp);
- Phòng T.H.A. dân sự KV3-Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Như Quỳnh